TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 269/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 334/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2026 về việc "Vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình", giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1995

Địa chỉ: 50/27/14 Y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tạm trú: 123 T, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hùng Q, sinh năm 1996

Địa chỉ: 16 A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đặng Hoài L, sinh năm 1992

Thường trú: 107 thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Địa chỉ tạm trú: 123 T, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 143; khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Phương H và ông Đặng Hoài L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Đặng Hoài L thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2020 do UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) cấp ngày 07/9/2020 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Đặng Hoài L và bà Nguyễn Thị Phương H có một con chung là Đặng Nguyễn Thảo N (nữ), sinh ngày 10/12/2024. Ông Đặng Hoài L và bà Nguyễn Thị Phương H thỏa thuận để bà Nguyễn Thị Phương H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N, yêu cầu ông Đặng Hoài L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 15.000.000 đồng/tháng (Mười lăm triệu đồng mỗi tháng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Nếu ngày giao nhận tiền trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì sẽ được thực hiện vào ngày tiếp theo sau đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Phương H, nếu ông Đặng Hoài L không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông Đặng Hoài L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Ngược lại, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Ông Đặng Hoài L và bà Nguyễn Thị Phương H tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Đặng Hoài L và bà Nguyễn Thị Phương H không có nợ chung hay nghĩa vụ dân sự chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân và gia đình hòa giải thành là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Đặng Hoài L và bà Nguyễn Thị Phương H mỗi người chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Phương H

tự nguyện chịu toàn bộ án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Phương H đã tạm nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0016872 ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Căn cứ vào điểm b, Khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì ông Đặng Hoài L phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 3-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 3 –TP.HCM;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Giấy Chứng nhận kết hôn số 66/2020 cấp ngày 07/9/2020);
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thanh Trang

TAND KHU VỰC 3

YNG100426.TL.QDBA
3282